

Nghi Xuân, ngày 31 tháng 8 năm 2018

Số: 105/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T - Sinh năm: 1980

Bị đơn: Anh Trần Văn T1 - Sinh năm: 1975

Cùng trú tại: Xóm A, xã X, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83,84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, các đương sự thống nhất: anh Trần Văn T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thị Khánh H sinh ngày 30/6/2004 và con chung Trần Huy H sinh ngày 04/8/2007 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Trương Thị T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đối với hai cháu kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh T1 có đơn yêu cầu

thi hành án mà chị T không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 điều 3, điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 thỏa thuận chị T sẽ nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ngoài ra chị T phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000653 ngày 20/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nghi Xuân;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Nghi Xuân;
- UBND xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ, ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Hà Ngân